| | |
|---|---|
| **TÒA ÁN NHÂN DÂN**<br>**HUYỆN T**<br>**TỈNH QUẢNG NAM**<br>Bản án số: 26/2021/DS- ST.<br>Ngày 20/4/2021.<br>V/v *"Tranh chấp hợp đồng vay tài sản"* | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |

**NHÂN DANH**
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN T, TỈNH QUẢNG NAM.**

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có***:
***- Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà*:** Ông Nguyễn Công Trường.
***- Các Hội thẩm nhân dân*:**
+ Ông Nguyễn Đăng Thám
+ Ông Tô Đình Trị
***- Thư ký phiên tòa*:** Bà Trương Thị Sen – Thư ký tòa án .
***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T tham gia phiên toà*:** Bà Bùi Thị Hạnh Quyên – kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 4 năm 2021, tại Tòa án nhân dân huyện T xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 58/2020/TLST-DS ngày 12 tháng 10 năm 2020 về việc: *"Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*". Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 16/2021/QĐXX-ST ngày 12 tháng 3 năm 2021, Quyết định hoãn phiên tòa số: 02 /2021/QĐHPT ngày 30/3/2021 và Quyết định tạm ngừng phiên tòa số: 02/QĐ-TA ngày 15/4/2021 giữa các đương sự:

***Nguyên đơn:*** Lê Thị N, sinh năm: 1963.

Trú tại: Số 4-6 Nguyễn H, thị trấn H, huyện T, tỉnh Quảng Nam.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn bà Lê Thị N: Ông Vũ Minh T – Sinh năm: 1977; Trú tại: số 155 đường T, thành phố T, tỉnh Quảng Nam (có mặt).

***Bị đơn:*** Bà Đỗ Thị Như H, sinh năm: 1972 (vắng mặt không có lý do).

Trú tại: Khu p, thị trấn H, huyện Th, tỉnh Quảng Nam.

## NỘI DUNG VỤ ÁN:

**Tại đơn khởi kiện, các lời khai và tại Tòa đại diện cho nguyên đơn nguyên đơn ông Vũ Minh T trình bày:**

Vào ngày 21/12/2019 bà N có cho bà Đỗ Thị Như H vay số tiền 1.500.000.000đ (Một tỷ năm trăm triệu đồng) để đáo hạn Ngân hàng. Đến hạn trả nợ nhưng bà Đỗ Thị Như H cố tình trốn tránh không trả số tiền vay cho bà N nên bà N đã nhiều lần đến nhà bà H yêu cầu bà H trả nợ nhưng bà H không trả.

Nay bà N yêu cầu Tòa án huyện T buộc bà Đỗ Thị Như H phải trả cho bà N số tiền vay còn nợ là 1.500.000.000đ (Một tỷ năm trăm triệu đồng), bà N không yêu cầu tính lãi.

**Bà Đỗ Thị Như Hvắng mặt tại phiên tòa nhưng tại bản tự khai và biên bản hòa giải bà Đỗ Thị Như H trình bày:**

Theo đơn khởi kiện bà N đề nghị Tòa án huyện T buộc bà H phải trả cho bà Lê Thị N số tiền còn vay còn nợ 1.500.000.000đ (Một tỷ năm trăm triệu đồng) và trả lãi theo quy định của pháp luật. Hiện nay bà H chưa xác định được số tiền nợ và yêu cầu Tòa án cho bà H sao chụp tài liệu chứng cứ do bà N cung cấp, trong thời hạn 15 đến 20 ngày bà H sẽ trả lời bằng văn bản cho Tòa án.

Tại phiên tòa Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử là đúng pháp luật; việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng quy định pháp luật. Bị đơn bà Đỗ Thị Như H đã không chấp hành đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ và diễn biến phiên Tòa, đại diện Viện kiểm sát đề nghị HĐXX áp dụng các Điều 463, 466 và 468 Bộ luật dân sự năm 2015. Đề nghị HĐXX xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Lê Thị N.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

*Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên toà, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:*

[1] Về thủ tục tố tụng: Bị đơn bà Đỗ Thị Như H có hộ khẩu thường trú tại khu p, thị trấn H, huyện T, tỉnh Quảng Nam nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện T.

Bị đơn bà Đỗ Thị Như H được triệu tập hợp lệ theo Điều 177 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai không có lý do chính đáng. Vì vậy, căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Tòa tiến hành xét xử vắng mặt bà Đỗ Thị Như H.

[2] Về nội dung vụ án:

Vào ngày 21/12/2019 bà Lê Thị N có cho bà Đỗ Thị Như H vay số tiền 1.500.000.000đ (Một tỷ năm trăm triệu đồng) để đáo hạn Ngân hàng Đầu tư và phát triển Việt Nam BIDV. Đến hạn trả nợ nhưng bà Đỗ Thị Như H không trả. Nay bà Lê Thị N yêu cầu bà Đỗ Thị Như H phải trả cho bà N số tiền 1.500.000.000đ (Một tỷ năm trăm triệu đồng), bà N không yêu cầu bà H trả lãi.

Tại phiên tòa, bà Đỗ Thị như H vắng mặt nhưng trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án mở phiên họp công khai chứng cứ và hòa giải lần thứ nhất thì bà Đỗ Thị Như H cho rằng chưa xác định được số tiền nợ và yêu cầu Tòa án cho bà H sao chụp tài liệu chứng cứ do bà N cung cấp, bà H hẹn trong thời hạn 15 đến 20 ngày sẽ trả lời bằng văn bản cho Tòa án. Tòa án đã tống đạt thông báo về việc mở phiên họp công khai chứng cứ và hòa giải lần 2 nhưng bà Đỗ Thị Kim H vẫn không đến tòa để giải quyết vụ án. Từ ngày mở phiên họp công khai chứng cứ và hòa giải cho đến trước ngày đưa vụ án ra xét xử đã hơn 4 tháng nhưng bà Đỗ Thị Như H vẫn không trả lời bằng văn bản ý kiến của mình cho Tòa án, bà Đỗ Thị Như H không thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của bị đơn, cố tình trốn tránh gây khó khăn cho việc giải quyết vụ

án. Ngày 17/01/2021 Tòa án tiến hành thu thập mẫu để trưng cầu chữ ký và chữ viết của bà Đỗ Thị Như H. Ngày 25/2/2021 Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Quảng Nam đã có kết luận giám định số 18/PC09: Chữ ký đứng tên Đỗ Thị Như H trên tài liệu cần giám định và chữ ký đứng tên Đỗ Thị Như H trên tài liệu mẫu so sánh là do cùng một người ký ra. Do vậy, Hội đồng xét xử xét thấy yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Lê Thị N là có căn cứ nên chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị N. Xử buộc bà Đỗ Thị Như H phải chịu trách nhiệm trả cho bà Lê Thị N số tiền 1.500.000.000đ (Một tỷ năm trăm triệu đồng).

[3] Về yêu cầu trả tiền lãi do chậm thực hiện nghĩa vụ trả nợ của nguyên đơn: Bà Lê Thị N không yêu cầu tính lãi nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm: Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên bà Đỗ Thị Như H phải chịu số tiền án phí dân sự sơ thẩm là: 57.000.000 đồng (Năm mươi bảy triệu đồng) theo quy định tại khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/ UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án, của Ủy ban Thường vụ Quốc hội; bà Lê Thị N được hoàn lại số tiền tạm ứng án phí là 28.500.000 đồng (Hai mươi tám triệu năm trăm ngàn đồng) tạm ứng án phí theo quy định tại Điều 144; Điều 146 Bộ luật tố tụng dân sự.

[5] Chi phí về việc Trưng cầu giám định chữ ký và chữ viết 5.000.000 đồng (Năm triệu đồng y) nguyên đơn bà Lê Thị Nhơn tự nguyện xin chịu (bà Lê Thị Nhơn đã nộp đủ chi phí trưng cầu giám định 5.000.000 đồng).

[6] Các bên đương sự có quyền kháng cáo, thời hạn kháng cáo theo quy định tại các Điều 271; Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự.

[7] Xét đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T, tỉnh Quảng Nam là đúng pháp luật, phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

*Vì các lẽ trên,*

## QUYẾT ĐỊNH

- Căn cứ khoản 3 Điều 26, Điều 35, Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Các Điều 463, Điều 466 và 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 quy định về mức thu án phí, lệ phí Tòa án, tạm ứng án phí, tạm ứng lệ phí Tòa án.

**1. Xử**: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị N. Buộc bà Đỗ Thị Như H phải trả cho bà Lê Thị N số tiền vay là 1.500.000.000 (Một tỷ năm trăm triệu đồng).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật và bà Lê Thị N có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bà Đỗ Thị Như H không trả số nợ trên thì bà H còn phải chịu tiền lãi chậm trả theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015 tương ứng với số tiền và thời gian chưa thi hành án.

**2. Án phí dân sự sơ thẩm**: Buộc bà Đỗ Thị Như H phải chịu 57.000.000 đồng (Năm mươi bảy triệu đồng). Hoàn lại cho bà Lê Thị N 28.500.000 đồng (Hai mươi tám triệu năm trăm ngàn đồng) tiền tạm ứng án phí mà bà Lê Thị N đã nộp theo biên lai thu số 0005616 ngày 12/10/2020 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện T.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự

có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Án xử sơ thẩm công khai báo cho nguyên đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận trích sao bản án hoặc bản án được niêm yết.

**T/M.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ**
**Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà**
(Đã ký và đóng dấu)

**Nơi nhận**
- TAND tỉnh Quảng Nam.
- VKSND huyện T.
- Cơ quan THADS huyện T.
- Các đương sự
- Lưu HS